

Bản án số: 130/2023/DS-ST
Ngày: 18 - 08 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng

Ông Trịnh Thanh Trần

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Mộng Y, sinh năm 1994

Địa chỉ cư trú: ấp 5, xã K, huyện U, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1965, theo Giấy ủy quyền ngày 22/3/2023.

Địa chỉ cư trú: ấp 5, xã K, huyện U, tỉnh C (ông H có mặt).

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1983 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 5, xã K, huyện U, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2023 của bà Y và tại phiên tòa ông Lê Văn Hiền trình bày:

Ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T có vay tiền của bà Y các lần như sau: Ngày 12/6/2021 vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 12/7/2022 vay thêm 50.000.000 đồng, tổng 2 lần vay là 80.000.000 đồng; lãi suất 20%/năm; thời hạn vay 3 tháng; có làm giấy vay tiền. Đối với số tiền vay ngày 12/6/2021 30.000.000

đồng, bà T, ông Đ có đóng tiền lãi được 5.000.000 đồng, chưa trả tiền vốn; riêng số tiền vay ngày 12/7/2022 bà T không đóng lãi và cũng không trả tiền vốn.

Bà Y yêu cầu ông Đ và bà T trả số tiền vốn là 80.000.000 đồng.

Yêu cầu trả tiền lãi là 1,66%/tháng cụ thể: Số tiền vốn 30.000.000 đồng vay vào ngày 12/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 26 tháng 6 ngày bằng 13.047.000 đồng trừ 5.000.000 đã trả trước, còn lại 8.047.000 đồng: Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, vay vào ngày 12/7/2022 tính từ điểm vay đến ngày xét xử là 13 tháng 6 ngày với số tiền lãi là 10.955.000 đồng, tổng cộng tiền lãi là 19.002.000 đồng.

Tổng cộng bà Y yêu cầu ông Đ, bà T trả tiền vốn và tiền lãi là 99.002.000 đồng.

- Ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T không có văn bản nêu Y kiến của mình đối với yêu cầu của ông Nguyễn, bà Chi và vắng mặt không IY do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Mộng Y với ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không IY do nên xét xử vắng mặt ông Đ, bà T theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Lê Mộng Y xác định ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T vay của bà số tiền vốn 80.000.000 đồng nhưng không trả. Xét yêu cầu của bà Y nhận thấy việc ông Đ, bà T có nợ tiền bà Y là có thật, bà Y chứng minh việc ông Đ, bà T nợ bằng giấy vay tiền thể hiện vay vào ngày 12/6/2021 và ngày 12/7/2022. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Đ, bà T thông báo thụ IY vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Đ, bà T không có Y kiến gì liên quan đến số tiền bà Y yêu cầu ông Đ, bà T trả và vắng mặt không IY do. Từ đó, cho thấy mặt nhiên ông Đ, bà T đã thừa nhận có nợ tiền của bà Y. Do đó, bà Y yêu cầu ông Đ, bà T trả số tiền vốn 80.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Xét yêu cầu của bà Y yêu cầu ông Đ, bà T trả lãi 1,66%/tháng, tính từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/8/2023 với số tiền lãi là 19.002.000 đồng, phù hợp với quy định theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, buộc ông Đ, bà T trả cho bà Y tiền lãi là 19.002.000 đồng.

Tổng cộng buộc ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T trả cho bà Lê Mộng Y số tiền vốn và tiền lãi là 99.002.000 đồng.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của bà Lê Mộng Y được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bà Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.655.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011084 ngày 30/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho bà Y.

Án phí có giá ngạch trên số tiền ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T phải trả cho bà Y, ông Đ, bà T phải chịu là 4.950.100 đồng. Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Mộng Y về việc yêu cầu ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T trả tiền vay.

- Buộc ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T trả cho bà Lê Mộng Y số tiền là 99.002.000 (Chín mươi chín triệu không trăm lẻ hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ, bà T chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Đ, bà T còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Lê Mộng Y không phải chịu án phí, bà Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.655.000 (Hai triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011084 ngày 30/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho bà Y.

+ Án phí có giá ngạch ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T phải chịu số tiền là 4.950.100 (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn một trăm) đồng.

Án xử sơ thẩm bà Lê Mộng Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b)
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn